

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-ST
Ngày: 27-8-2020
“V/v Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST-DS, ngày 21/02/2020 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị N - sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn U – sinh năm 1974; Bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Vào năm 2017, bà có tham gia chơi 01 chân hui do vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U làm chủ. Dây hui 1.000.000đ/tháng, hui áp ngày 09/4/2017 âm lịch, có 28 chân, bà chơi 01 chân, bà đóng được 20 lần, bà bỏ hui hốt với giá 760.000đ nhưng vợ chồng bà N không chung hui cho bà, sau đó đến ngày 09/11/2018 thì vợ chồng bà N tuyên bố ngưng hui, dây hui này vẫn chưa mãn. Hai bên thỏa thuận, vợ chồng bà N, ông U còn nợ bà số tiền 20.000.000đ (tính theo hui chết), vợ chồng bà N cam kết sẽ trả dần cho bà hàng tháng mỗi tháng là 1.000.000đ nhưng sau đó vợ chồng bà N không thực hiện như đã hứa. Bà đến nhà đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng bà N hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả.

Tại phiên tòa, bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm

Thị N và ông Trần Văn U phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/3/2020, 30/6/2020 bị đơn bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U trình bày:

Bà N, ông U thừa nhận: Bà N có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông bà làm chủ. Chân hụi, dây hụi và số lần đóng hụi như bà N kê ra là đúng. Ông bà cũng thừa nhận số tiền hụi hiện nay còn nợ bà N là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Nhưng ông bà cho rằng có thỏa thuận với bà N cùng vợ ông P (ở lô 7) do vợ ông P nợ tiền hụi vợ chồng ông bà, ba bên thống nhất vợ ông P sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền 20.000.000đ cho bà N và trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

Nhưng nay, bà N không đồng ý và cho rằng phần tiền ông bà cùng bà N thỏa thuận là số tiền hụi của con gái bà N là Nguyễn Thị Bích N, còn chân hụi bà N kiện vợ chồng ông bà là chân hụi của bà N nên ông bà thống nhất sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền hụi cho bà N, còn vợ ông P ông bà sẽ thỏa thuận lại, nếu không thỏa thuận được thì ông bà sẽ khởi kiện bà vợ ông P thành vụ kiện khác. Ông bà không yêu cầu đưa bà vợ ông P vào tham gia trong vụ kiện này.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hụi” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị N số tiền nợ hụi là 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà Dương Thị N khởi kiện bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U về việc “Tranh chấp nợ hụi” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U với tư cách là bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 227 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2017, giữa bà Dương Thị N và bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có thỏa thuận góp hụi với nhau, vợ chồng bà N, ông U làm chủ hụi, bà N là thành viên trong dây hụi 1.000.000đ/tháng, áp ngày

09/4/2017 âm lịch. Quá trình chơi hụi, bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi của 01 dây hụi trên cho đến khi vợ chồng bà N ngưng xỏ hụi. Sau đó, hai bên có thỏa thuận bà N và ông U sẽ trả dần hàng tháng cho bà N mỗi tháng là 1.000.000đ. Tuy nhiên, vợ chồng bà N không thực hiện đúng theo thỏa thuận trên đến nay vẫn chưa giao bất kỳ khoản tiền hụi nào cho bà N nên bà N khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi 20.000.000đ. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hụi như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà N buộc vợ chồng bà N, ông U phải trả số tiền nợ hụi là 20.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông U đều thừa nhận số tiền hụi còn nợ lại bà N là 20.000.000đ nhưng hẹn trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. HĐXX thấy rằng, bà N, ông U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hụi theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường và yêu cầu xin trả dần của ông bà cũng không được bà N đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và buộc bà N, ông U có trách nhiệm thanh toán số nợ hụi này cho bà N là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.000.000đ (20.000.000đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Bà Dương Thị N được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008781 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị N số tiền nợ hụi là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N, ông U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Bà Dương Thị N được nhận lại số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008781, ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/8/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập